

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

Năm báo cáo: 2021

Hồ sơ gồm:

- 1. Báo cáo thường niên năm 2021**
- 2. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2021**
- 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021**
- 4. Báo cáo tài chính năm 2021**

Thanh Ba, Tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

Năm báo cáo: 2021

I. THÔNG TIN CHUNG.

1. Thông tin khái quát.

- Tên Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
- Tên Tiếng Anh: PHU THO CEMENT JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính : Khu 12, thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
- Điện thoại : 0210 3885 310
- Fax : 0210 3884 023
- Website: ximangphutho.com.vn



- Logo:

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn Đạt - Tổng giám đốc;
- Giấy Chứng nhận ĐKKD: Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2600116271 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp ngày 14 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần thứ 07 ngày 01 tháng 07 năm 2020.

Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch:

- Vốn điều lệ đăng ký: 125.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 125.000.000.000 đồng
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 12.500.000 cổ phiếu.

- Mệnh giá: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu.
- Mã chứng khoán: PTE
- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của công ty (nếu có): không.

2. Quá trình hình thành và phát triển.

- Việc thành lập: Tiền thân là Nhà máy xi măng Đào Giã được thành lập theo Quyết định số 144/1967/QĐ – TC ngày 29/09/1967 của UBND tỉnh Vĩnh Phú. Sau hơn 50 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Nhà máy đã cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước và chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, lấy tên Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ từ ngày 14/2/2007 cho đến nay.
- Niêm yết: Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đang đăng ký giao dịch trên sàn UpCom - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh xi măng PCB-40, PCB-30; Clinker thương phẩm.
- Khai thác kinh doanh đá xây dựng, đá giao thông.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng khác.
- Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thuỷ lợi.
- Chuẩn bị mặt bằng xây dựng.
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đường bộ.

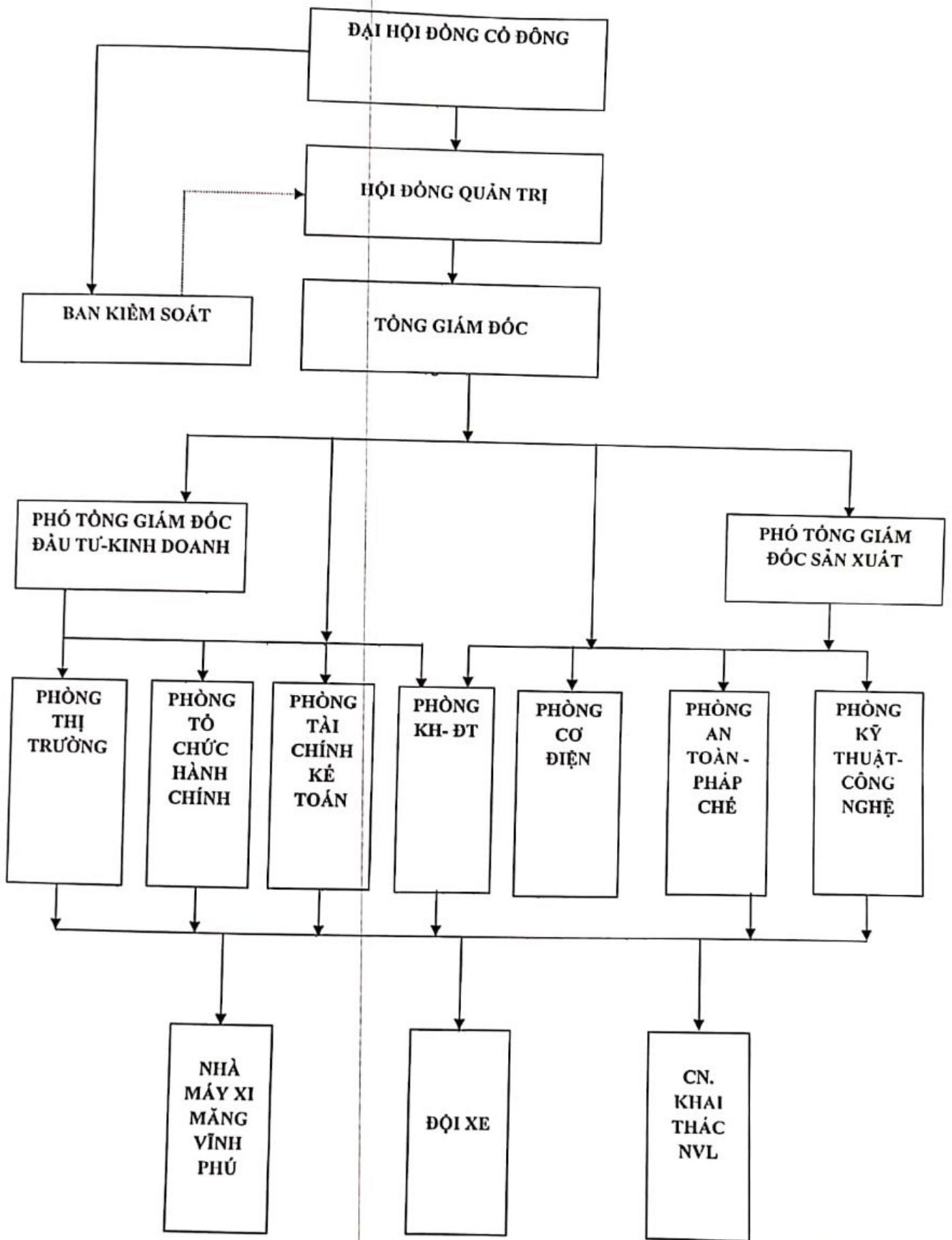
Địa bàn kinh doanh: Thị trường tiêu thụ xi măng Vĩnh Phú được xác định là các tỉnh phía Bắc trong đó trọng điểm là tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận như Vĩnh Phúc, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La... Hiện nay, hệ thống các nhà phân phối, các đại lý bao tiêu sản phẩm tại các địa phương này đã được thiết lập và sẵn sàng cho công tác tiêu thụ sản phẩm.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .

- Mô hình quản trị: Bộ máy quản lý của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ được tổ chức theo mô hình chức năng. Đây là mô hình tiên tiến được rất

nhều các doanh nghiệp áp dụng. Theo đó, những nhiệm vụ quản trị cụ thể được giao cho các đơn vị riêng biệt theo các chức năng quản trị và hình thành nên những người lãnh đạo được chuyên môn hóa trong các lĩnh vực cụ thể đó. Ưu điểm của mô hình này là: thu hút được các chuyên gia vào công tác lãnh đạo, việc giải quyết các vấn đề chuyên môn trở nên thành thạo và nhanh chóng hơn, đồng thời giảm bớt gánh nặng về quản trị cho Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty như sau:



Sơ đồ 1.1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Xi măng Phú Thọ

- Các đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh khai thác NVL: Khu 9, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Các đơn vị liên doanh, liên kết:

✓ Công ty cổ phần xi măng Sông Thao

Địa chỉ: Ninh Dân - Thanh Ba - Phú Thọ.

Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất xi măng

Mức vốn đầu tư là 3.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ tại Công ty cổ phần xi măng Sông Thao là 0,469%

5. Định hướng phát triển của Công ty

5.1. Mục tiêu phát triển trong năm 2021.

Xác định năm 2021 tiếp tục là một năm còn nhiều khó khăn, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên địa bàn cả nước nói chung và trên địa bàn tỉnh Phú Thọ nói riêng làm ảnh hưởng không nhỏ đối với ngành xi măng trong đó có Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ. Đây thực sự là thách thức lớn đặt ra cho HĐQT và ban lãnh đạo Công ty, đòi hỏi CBCNV phải toàn tâm, toàn trí nâng cao tinh thần đoàn kết cùng nhau vượt khó để tạo đà thúc đẩy sự phát triển của Công ty. Mục tiêu đặt ra là:

a. Chiến lược về sản phẩm:

- Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Có chiến lược dự trữ nguyên liệu, thành phẩm hợp lý, khoa học nhằm giảm chi phí hàng tồn kho. Lựa chọn các nhà thầu cung cấp vật tư, thiết bị để nâng cao độ bền và tuổi thọ của máy móc, thiết bị.
- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai.
- Nghiên cứu thử nghiệm các loại phụ gia mới có giá thành rẻ nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật đưa vào sử dụng.

- Nâng cao năng suất lao động và ổn định chất lượng sản phẩm. Tiết kiệm triệt để chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm.
- Ổn định đà phát triển, xây dựng thương hiệu sản phẩm của Công ty trở thành một thương hiệu mạnh

b. Chiến lược đầu tư công nghệ:

- Đầu tư chiều sâu công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng và hạ giá thành sản phẩm để đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

c. Chiến lược tài chính:

- Chủ động công bố minh bạch thông tin, cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính.
- Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp, cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty sao cho hợp lý đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ.
- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

d. Chiến lược nhân sự:

- Cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất.
- Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân viên chức trong Công ty.
- Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ trong các phòng ban Công ty.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật có năng động, có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi và lành nghề.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Công ty lựa chọn lộ trình hợp lý để triển khai thực hiện đầu tư các dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Phấn đấu phát triển mạnh thương hiệu xi măng Vĩnh Phú theo các tiêu chí:
 - + *Chất lượng cao và ổn định.*
 - + *Giá cả cạnh tranh.*
 - + *Thị phần lớn.*

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Duy trì sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho người lao động, đảm bảo cổ tức cho các cổ đông.
- Nghiên cứu chuyên đổi, mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh, sản xuất những sản phẩm thân thiện với môi trường phù hợp với chủ trương của Nhà nước.
- Chú trọng đến công tác xử lý chất thải và vệ sinh công nghiệp, đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp trong Công ty cũng như với các khu dân cư lân cận.

6. Các rủi ro:

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	574.594.577	2.271.295.391
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.250.108.096	30.544.151.707
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.329.205.374	1.212.856.393
Cộng	28.153.908.047	34.028.303.491

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	181.466.119.731	74.180.000.000		255.646.119.731
Phải trả người bán, phải trả khác	239.835.375.987			239.835.375.987
Chi phí phải trả	56.373.509.237			56.373.509.237
Cộng	477.675.004.955	74.180.000.000		551.855.004.955
Số đầu năm				
Vay và nợ	166.313.450.606	93.958.052.833		260.271.503.439
Phải trả người bán, phải trả khác	235.373.836.788			235.373.836.788
Chi phí phải trả	54.896.686.060			54.896.686.060
Cộng	456.583.973.454	93.958.052.833	-	550.542.026.287

Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	365,15	365,15
Vay và nợ	(5.043.337,18)	(5.141.558,63)
Phải trả người bán	(152.035,46)	(152.035,46)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	5.195.737,79	(5.293.959,24)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.405.107.023 VND (năm trước giảm/tăng 2.454.279.504 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá chứng khoán

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021, tổng doanh thu của Công ty là: 275.133.862.377 đồng đạt 101,35% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính là 274.078.507.465 đồng chiếm 101,96% tổng doanh thu.

Tại thời điểm 31/12/2021:

- Tổng tài sản của Công ty là 407.439.489.294 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 69.556.007.818 đồng và tài sản dài hạn là 337.883.481.476 đồng.
- Tổng nguồn vốn của Công ty 407.439.489.294 đồng, trong đó vốn chủ sở hữu là (200.088.996.612) đồng và nợ phải trả là 607.528.485.906 đồng.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% hoàn thành
I. Chỉ tiêu hiện vật				
1. Xi măng sản xuất các loại	tấn	315.000	315.813,35	100,26
2. Xi măng tiêu thụ các loại	tấn	315.000	322.016,81	102,23
3. Clinker thương phẩm	tấn	0	0	0
II. Chỉ tiêu tài chính				
1. Tổng doanh thu	đồng	268.805.000.000	275.133.862.377	102,35
- D.thu bán hàng, cung cấp Dịch vụ	đồng	268.805.000.000	274.078.507.465	101,96
- D.thu tài chính và hoạt động khác	đồng	0	1.055.354.912	
2. Tổng chi phí	đồng	281.888.000.000	301.054.156.634	106,8
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	(13.083.000.000)	(25.920.294.257)	
4. Lợi nhuận sau thuế	đồng	(13.083.000.000)	(25.920.294.257)	

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Danh sách Ban giám đốc Công ty và cán bộ quản lý các phòng ban tại thời điểm ngày 31/12/2021.

<p><i>Triệu Quang Thuận</i> Sinh năm: 29/02/1964 Quê quán: Xã Sơn Vi - Huyện Lâm Thao - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Chủ tịch HĐQT</p>	<p><i>Trần Tuấn Đạt</i> Sinh năm: 08/08/1973 Quê quán: Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty Ủy viên HĐQT</p>
<p><i>Trần Thị Phương Linh</i> Sinh năm: 26/05/1969 Quê quán: Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty</p>	<p><i>Vũ Anh Phương</i> Sinh năm: 02/09/1972 Quê quán: Phường Vân Cơ- Việt Trì - Phú Thọ Chức vụ: Trưởng phòng TC-KT</p>
<p><i>Phạm Mạnh Cường</i> Sinh năm: 28/11/1969 Quê quán: Huyện Tứ Lộc – Tỉnh Hải Dương Chức vụ: Trưởng phòng An toàn - Pháp chế - Thi đua</p>	<p><i>Phạm Quang Đức</i> Sinh năm: 02/09/1968 Quê quán: Huyện Thanh Ba- Phú Thọ Chức vụ: Phó phòng phụ trách phòng KH – ĐT</p>
<p><i>Bùi Hữu Văn</i> Sinh năm: 07/04/1981 Quê quán: Ninh Dân – Thanh Ba – Phú Thọ Chức vụ: Trưởng phòng TC-HC</p>	<p><i>Vũ Văn Nghiệp</i> Sinh năm: 04/01/1989 Quê quán: Xã Thanh Xá - Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Trưởng phòng Cơ điện</p>
<p><i>Bùi Thị Thủy</i> Sinh năm: 01/05/1985 Quê quán: xã Sơn Vi-huyện Lâm Thao- Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Phó phòng phụ trách phòng KT-CN</p>	<p><i>Kiều Đức Phương</i> Sinh năm: 05/04/1987 Quê quán: Xã Đông Lĩnh - Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Phó phòng thị trường</p>

<p><i>Nguyễn Phi Tuyên</i> <i>Sinh năm: 01/09/1968</i> <i>Quê quán: Vụ Cầu - Thanh Ba - Phú Thọ</i> <i>Giám đốc Nhà máy xi măng Vĩnh Phú</i></p>	<p><i>Nguyễn Khắc Tuấn</i> <i>Sinh năm: 01/05/1970</i> <i>Quê quán: Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ</i> <i>Chức vụ: Quản đốc PX-Thành phẩm</i></p>
<p><i>Nguyễn Quý Thắng</i> <i>Sinh năm: 29/03/1981</i> <i>Quê quán: Ninh Dân - Thanh Ba - Phú Thọ</i> <i>Chức vụ: Giám đốc chi nhánh KTNVL</i></p>	

– Nhưng thay đổi của Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị			
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Nguyễn Khắc Lâm	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Phạm Quang Anh	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Trần Tuấn Đạt	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Nguyễn Thành Phú	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ban kiểm soát			
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Tạ Đức Thiệm	Trưởng ban	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Đỗ Thị Thanh Yên	Thành viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên	29 tháng 6 năm 2017	

2.2. Số lượng lao động và chính sách đối với người lao động:

- Tình hình biến động lao động trong năm 2021: Đầu năm: 235 người
Cuối năm: 243 người

- Chính sách đối với người lao động:

+ Thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ cho cán bộ CNV trong công ty.

+ Cử cán bộ công nhân viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

+ Bố trí, sắp xếp lao động làm việc theo đúng ngành nghề, phù hợp với sức khỏe của người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a. Các khoản đầu tư XDCB trong năm 2021:

Sau khi bàn giao và đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày (cuối năm 2012) và dây chuyền nghiền xi măng công suất 65T/h (đầu năm 2013) thì trong năm 2021; Công ty tập trung vào thực hiện đầu tư xây dựng bổ sung một số công trình, hạng mục phụ trợ, cải tạo nâng cấp hệ thống xuất bán xi măng, đầu tư mua sắm tài sản cố định, thay mới máy móc thiết bị bao gồm: mở rộng mỏ đá vôi hạng mục thoát nước khu A (Khu TĐC): 173 triệu đồng; dự án hệ thống lọc bụi mở rộng: 1.927 triệu đồng, sửa chữa một số hạng mục khác: 96 triệu đồng.

Ngoài ra, Công ty còn đầu tư mua sắm một số loại tài sản mới sau: mua xe ô tô: 1.152 triệu đồng; máy phân tích 3 thành phần: 115 triệu đồng;

b. Tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết:

Công ty cổ phần xi măng Sông Thao:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng tài sản	1.100.587		
Doanh thu thuần	985.019		
Lợi nhuận sau thuế	24.798		

4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 20201	%Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	427.370.600.247	407.439.489.294	↓ 4,66%
Doanh thu thuần	264.226.606.149	274.078.507.465	↑ 3,73%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-35.002.373.479	-25.620.622.130	↓ 26,80%
Lợi nhuận khác	2.337.312.353	-299.672.127	↓ 109,83%
Lợi nhuận trước thuế	-32.665.061.126	-25.920.294.257	↑ 20,65%
Lợi nhuận sau thuế	-32.665.061.126	-25.920.294.257	↑ 20,65%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,13	0,13	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,08	0,07	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	1,41	1,49	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	-3,45	-3,04	

3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán</u>	7,27	8,83	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,62	0,67	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	-0,12	-0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,19	0,13	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,08	-0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,13	-0,09	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.500.000 cổ phần;

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12.500.000 cổ phần;

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông được phân chia theo theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân.

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Triệu Quang Thuận	14.516.500.000	11,61
Ông Trần Tuấn Đạt	8.855.500.000	7,08
Ông Triệu Quốc Hoàn	6.604.500.000	5,29
Các cổ đông khác	95.023.500.000	76,02
Tổng cộng	125.000.000.000	100,00

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác. Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

a. *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:* Đã trình bày tại biểu tình hình thực hiện so với kế hoạch (Mục 1 - Phần II).

b. *Đánh giá tổng quát:*

Từ năm 2013 đến hết năm 2020, sản lượng xi măng tiêu thụ xi măng của Công ty tăng lên đáng kể nhưng chưa ổn định, năm 2014 tăng so với năm 2013 là 43,64%, năm 2015 tăng so với năm 2014 là 0,89%, năm 2016 giảm so với năm 2015 là 7,62% , năm 2017 giảm so với năm 2016 là 10.41 %, năm 2018 tương đương so với năm 2017, năm 2019 giảm so với năm 2018 là 9,29%, năm 2020 tăng so với năm 2019 là 21,9%. Năm 2021 hoàn thành 102,23% so với kế hoạch và tăng so với năm 2020 là 7,8%. Tuy sản lượng tiêu thụ trong năm 2021 tăng nhưng vẫn chưa đạt công suất thiết kế của Dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày và Dây chuyền nghiền xi măng công suất 65tấn/h. Hoạt động sản xuất vẫn gặp một vài sự cố cả về yếu tố chủ quan và khách quan, dẫn đến tình trạng hoạt động chưa ổn định, kém hiệu quả,

không phát huy được hết công suất của thiết bị. Tuy nhiên, bộ phận cán bộ công nhân viên Nhà máy vận hành trực tiếp dây chuyền sản xuất Clinker lò quay với hệ thống máy móc tiên tiến, hiện đại bước đầu đã làm chủ được công nghệ, rút ra được nhiều kinh nghiệm trong quá trình vận hành Nhà máy. Chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao, sản phẩm của Công ty ngày càng có uy tín trên thị trường trong và ngoài tỉnh, được người tiêu dùng tin tưởng sử dụng.

Bên cạnh đó, trong 8 năm trở lại đây, được sự quan tâm và tin tưởng của UBND Tỉnh và các cấp chính quyền địa phương, hầu hết các công trình giao thông nông thôn trọng điểm có vốn Nhà nước đều do Công ty CP xi măng Phú Thọ cung ứng xi măng. Điều này có tầm ảnh hưởng rất lớn đến vị thế của Công ty trên thị trường. Chất lượng xi măng đảm bảo, khả năng cung ứng nhanh, kịp thời, giá cả hợp lý đã giúp thương hiệu Xi măng Vĩnh Phú chiếm được niềm tin của đại đa số người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Nhưng nhìn vào bảng so sánh có thể thấy các chỉ tiêu về tiêu thụ xi măng rời, clinker thương phẩm, doanh thu, chi phí,... đều hoàn thành so với kế hoạch đặt ra tuy nhiên chưa đạt hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nguyên nhân khách quan chủ yếu là do: trong năm 2021 tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn, gây khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và đối với ngành sản xuất xi măng, thị trường xi măng ứ đọng nhiều, sản lượng tiêu thụ có tăng nhưng chưa cao, thị trường nguyên - nhiên vật liệu đầu vào bị hạn chế về nguồn cung làm giá mua tăng mạnh như giá than, giá điện, giá xăng dầu và giá các vật tư vật liệu khác làm ảnh hưởng lớn đến giá thành sản xuất xi măng. Mặt khác do tính chất cạnh tranh gay gắt của thị trường, việc xuất hiện các sản phẩm xi măng cùng loại đã cạnh tranh với sản phẩm của Công ty nhằm giữ vững và phát triển thêm thị trường mới tìm nguồn ra cho sản phẩm nên giá bán sản phẩm không có sự thay đổi so với giá bán năm 2020. Nguyên nhân chủ quan là do: máy móc, thiết bị để ngoài trời trên 2 năm, lắp gá trên 1 năm không được che đậy dẫn tới hạn gỉ phải thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng nhiều, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng trong công tác sản xuất và tiêu thụ xi

mãng. Trong năm 2021, Công ty phải nhiều lần dừng lò và sửa chữa máy nghiền 65 tấn/giờ nên chi phí bảo dưỡng, thay thế tăng cao. Ngoài ra, Công ty chưa mở rộng được ngành nghề sản xuất kinh doanh, cán bộ tiêu thụ chưa năng động, chưa bám sát thị trường, doanh thu thu được chủ yếu là từ tiêu thụ sản phẩm xi măng, chưa tìm được thị trường tiêu thụ cho clinker lò quay và các sản phẩm xi măng rời(do giá bán của các sản phẩm này chưa bù đắp giá thành sản xuất).

2. Tình hình tài chính.

Qua các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty năm 2021 tương đương so với năm 2020 và đều ở mức thấp (đều nhỏ hơn 1) điều này có nghĩa các khoản nợ phải trả chưa có tài sản đảm bảo và không được đảm bảo thanh toán nợ khi đến hạn.

Qua các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu vốn, chúng ta có thể nhận thấy trong tổng số tài sản mà công ty đang nắm giữ đến 31/12/2021 có đến 149 % (năm 2020 là 141%) số tài sản được hình thành từ các khoản nợ, điều chứng tỏ tính tự chủ không cao về mặt tài chính của Công ty.

Hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty năm 2021 tương đương năm 2020. Nếu như năm 2020 cứ mỗi đồng tài sản thì tạo ra cho Công ty 0,62 đồng doanh thu thì sang đến năm 2021 chỉ tạo ra được 0,67 đồng doanh thu. Bên cạnh đó vòng quay hàng tồn kho tăng từ 7,27 năm 2020 lên 8,83 năm 2021, điều đó chứng tỏ hàng tồn kho của Công ty bị ít ứ đọng hơn so năm 2020, sản phẩm sản xuất ra tiêu thụ được được cải thiện nhưng còn chậm, hiệu quả sử dụng vốn không cao.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Năm 2021 là năm Công ty gặp phải nhiều khó khăn, tuy thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty được duy trì nhưng chưa phát triển mạnh và bền vững. Tuy nhiên sản xuất trong năm 2021 không ổn định, Dây chuyền sản xuất gặp sự cố dẫn đến năng suất sản xuất không đạt công suất thiết kế, ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị. Tuy sản lượng tiêu thụ năm 2021 tăng nhưng không hiệu quả. Do áp lực cạnh tranh thị trường lớn, nhằm duy trì và phát

triển những vùng thị trường yếu; Công ty luôn phải duy trì giá bán ở mức thấp, mức giá ưu đãi cho các vùng thị trường mới và yếu. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 giảm lỗ so với năm 2020. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, công ty vẫn nỗ lực duy trì hoạt động và tìm các biện pháp tháo gỡ nhằm đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động. Giải pháp mà Công ty đã thực hiện đó là:

- Ổn định sản xuất trên dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1200 tấn clinker/ngày.
- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức gọn nhẹ phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, rà soát lại lực lượng lao động và chấm dứt hợp đồng lao động đối với những người không bố trí được việc làm, thực hiện chi trả chế độ theo đúng quy định.
- Nghiên cứu các giải pháp công nghệ trong sản xuất nghiền xi măng để điều chỉnh giảm chi phí nguyên vật liệu chính nhằm giảm giá thành sản phẩm
- Sửa chữa, cải tiến dây chuyền nghiền xi măng công suất 65 tấn/giờ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng của xi măng sản xuất.
- Nâng cấp đầu tư hệ thống xi măng xuất thẳng nhằm cải thiện, nâng cao năng suất hoạt động bốc dỡ hàng cho khách hàng.
- Ổn định, củng cố và mở rộng thị trường tiêu thụ các loại sản phẩm xi măng. Tập trung tìm kiếm thị trường tiêu thụ các sản phẩm khác như xi măng bột PCB40, xi măng bột PCB30 và clinker lò quay.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Đã trình bày tại Định hướng phát triển của Công ty (Mục 5 - Phần I)

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Mặc dù năm 2021, nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, nhiều nhà máy xi măng trong cả nước không tránh khỏi tình trạng cung vượt cầu. Tuy nhiên, với những lợi thế nhất định về công nghệ, về kinh nghiệm quản lý và vận hành sản xuất, Công ty vẫn đạt được những thành công đáng kể như đã đưa vào sử dụng

dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1.200 tấn clinker/ngày, sản xuất sản phẩm dần đi vào ổn định, năng suất xuất và tiêu thụ các loại sản phẩm xi măng tăng lên đáng kể. Sản phẩm xi măng Vĩnh Phú đã được thị trường đón nhận và được sử dụng ở hầu hết các công trình lớn như tại các công trình giao thông, hạ tầng cơ sở, các tòa nhà cao tầng trong khu vực, trong đó khai thác được nhiều thị trường mới tại các tỉnh thành như: Hà Giang, Lào Cai- Yên Bái, Sơn La, Vĩnh Phúc.

Trong năm 2021, các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí, ... đều đạt so với mức kế hoạch đề ra nhưng xét về kết quả kinh doanh thì chưa đạt hiệu quả. Nguyên nhân là do:

- Giá cả các nguyên vật liệu đầu vào tăng như giá điện, giá xăng dầu, giá than, lương tối thiểu làm tăng giá thành sản phẩm.
- Trên thị trường xuất hiện nhiều loại sản phẩm xi măng công nghệ lò quay bằng hoặc chênh lệch rất ít so với giá bán của xi măng Vĩnh Phú dẫn đến việc cạnh tranh thị trường tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn.
- Chưa mở rộng được ngành nghề sản xuất kinh doanh. Do vậy, doanh thu chủ yếu phụ thuộc vào hoạt động sản xuất và tiêu thụ xi măng.
- Cán bộ thị trường chưa năng động, chưa bám sát thị trường nên mặc dù lượng xi măng tiêu thụ có tăng nhưng không đáng kể, giá bán xi măng không được cải thiện duy trì ở mức giá thấp. Bên cạnh đó, với thế mạnh về dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1200 tấn clinker/ngày, lượng clinker chất lượng tốt sản xuất ra không những đáp ứng đủ cho sản xuất mà còn đáp ứng nhu cầu tiêu thụ, tuy nhiên việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ clinker vẫn chưa được cán bộ thị trường chú trọng.
- Trong năm 2021, Dây chuyền sản xuất công ty liên tục gặp sự cố dẫn đến hỏng hóc cần sửa chữa trong thời gian dài nên năng suất sản xuất giảm, giá thành tăng cao. Ngoài ra mỏ đá sét, đá cao silic không thể khai thác nên Công ty phải mua ngoài manh mún với giá cao.
- Công ty chưa vay được vốn lưu động nên không chủ động được sản xuất.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo thường kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết các cuộc họp hoặc báo cáo bất thường khi có yêu cầu.

Để tiếp tục điều hành tốt hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã họp, phân công rõ trách nhiệm theo dõi, điều hành từng lĩnh vực cho các thành viên trong Ban Giám đốc.

Trong quá trình thực hiện chỉ đạo sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc đã cố gắng tìm mọi biện pháp thay đổi, cải tiến công nghệ sản xuất để giảm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm. Công tác nghiên cứu và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cũng được Ban giám đốc đặc biệt chú trọng, điển hình là nhiều hợp đồng cung cấp xi măng cho các công trình giao thông nông thôn trọng điểm đã được Công ty ký kết thực hiện. Việc đôn đốc thu hồi công nợ được Ban giám đốc hết sức lưu ý.

Các cán bộ quản lý của Công ty cơ bản có năng lực tốt, nhiệt tình trong công tác và luôn nghiêm túc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Cơ cấu Ban giám đốc phù hợp với nhiệm vụ, đặc điểm của Công ty, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

3.1. Mục tiêu, định hướng.

Lấy sản xuất kinh doanh xi măng là ngành chính, lấy hiệu quả kinh tế, chất lượng sản phẩm, uy tín với khách hàng làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và thương hiệu Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ, khẳng định vững chắc thương hiệu "Xi măng Vĩnh Phú".

3.2. Giải pháp thực hiện.

a. Giải pháp về tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành.

- Đối với công tác sản xuất:
- + Quản lý chất lượng kỹ thuật; giám sát kiểm tra chất lượng, khối lượng nguyên nhiên vật liệu đầu vào; phân tích, điều chỉnh, ổn định cấp phối đầu vào máy nghiền xi măng để đảm bảo chất lượng xi măng theo quy định, nâng cao năng suất máy nghiền xi măng đảm bảo giảm tiêu hao nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm.
- + Theo dõi tình hình biến động giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất. Tìm kiếm và lựa chọn các nhà cung cấp nguyên liệu có chất lượng tốt mà giá cả hợp lý.
- + Các vị trí sản xuất thực hiện vận hành thiết bị dây chuyền phải theo đúng quy trình, quy phạm, phát huy tối đa năng suất của thiết bị.
- + Tăng cường công tác quản lý các khâu nhập nguyên vật liệu.
- + Một trong những khó khăn lớn nhất của Công ty hiện nay đó là chưa tìm được biện pháp tối ưu nhất để tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường. Bên cạnh nguyên nhân chính đó là thiếu vốn lưu động hậu giai đoạn đầu tư dẫn đến thiếu chủ động trong vấn đề nguyên liệu cho sản xuất, thì một trong nguyên nhân quan trọng không kém đó là kiểm soát tiêu hao. Mặc dù Nhà máy được đưa vào vận hành sau hơn 2 năm thiết bị để ngoài trời làm giảm tương đối công suất thiết kế ban đầu do các tác động lý hóa của môi trường, khí hậu. Nhưng Công ty đã đầu tư thêm công nghệ, thiết bị để giảm tiêu hao than; đã có thể kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào nhưng nếu không kiểm soát được các vật tư phụ, tiêu hao điện năng, chi phí sửa chữa,... thì mọi nỗ lực khắc phục khó khăn trước đó sẽ không đem lại hiệu quả, thậm trí càng đầu tư càng mất vốn. Như chúng ta đã biết, nguyên nhân hàng đầu khiến cho hệ thống máy móc sản xuất hư hỏng là do không được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng thiết bị sản xuất và lấy đó là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu

nhằm tránh những tổn thất lớn về kinh tế, giảm lãng phí thời gian và chi phí sửa chữa. Do vậy Nhà máy Xi măng Vĩnh Phú cùng với phòng KH-ĐT, phòng KT-CN trên cơ sở đặc điểm cấu tạo, quy trình vận hành của máy móc thiết bị phải xây dựng định mức tiêu hao vật tư, từ đó có kế hoạch sửa chữa máy móc thiết bị cho phù hợp.

- Đối với công tác quản lý, điều hành:

- + Bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý nội bộ và chế độ tiền lương phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Đảm bảo phát huy cao nhất sức sáng tạo, chủ động của tập thể, cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định đảm bảo công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty theo phương pháp quản lý và điều hành tiên tiến, phân cấp triệt để nhằm phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- + Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp nhằm tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu sản xuất để đảm bảo tăng thu nhập và thu hút lực lượng lao động có chuyên môn giỏi, tay nghề cao.
- + Việc duy trì các buổi Hội thảo về Khoa học- kỹ thuật thường xuyên cho cán bộ, công nhân lao động cũng là cơ hội tốt để mọi người trao đổi kinh nghiệm. Do quy trình sản xuất được chia thành nhiều công đoạn, mỗi công đoạn lại có thể có nhiều người cùng phối hợp làm việc, mỗi người lại theo dõi sản xuất, theo dõi sự vận hành thiết bị ở những địa điểm khác nhau, thông qua tra đổi kinh nghiệm, hội thảo kỹ thuật sẽ được kiến thức vận hành hoàn thiện hơn cho dây chuyền; bổ sung những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu từ đó nâng cao tay nghề lao động, nâng cao hiệu quả làm việc nhóm.

b. Giải pháp về phát triển nguồn lực con người.

Bên cạnh vấn đề về sản xuất thì nguồn lực con người cũng là khó khăn không nhỏ. Công ty hiện nay đang thiếu các kỹ sư có tay nghề giỏi, thiếu những lao động có tâm huyết, muốn gắn bó lâu dài với Nhà máy. Để khắc phục vấn đề này, các giải pháp cần làm ngay là:

- Xây dựng quy hoạch và đào tạo bồi dưỡng cán bộ nguồn đặc biệt là lực lượng cán bộ trẻ, áp dụng nhiều hình thức đào tạo, chú trọng đào tạo tại chỗ.
- Đào tạo, bồi dưỡng trình độ, năng lực quản lý, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, đạo đức, tác phong lãnh đạo.
- Tập trung tuyển dụng, đào tạo lao động ở vị trí thiếu, vị trí khó; tránh tuyển dụng, đào tạo tràn lan những chuyên ngành không cần thiết, không thiếu dẫn đến không bố trí được công việc đúng chuyên ngành, làm cho người lao động lúng túng khi làm việc, chán nản, mất thời gian mà không nâng cao được hiệu quả làm việc.
- Xây dựng chế độ lương, chế độ thưởng, chế độ bảo hiểm và phúc lợi xã hội hợp lý, phù hợp với các quy định của Pháp luật và điều kiện của Công ty vừa để kích thích tuyển dụng được lao động các trình độ cao vừa để khuyến khích người lao động đang công tác yên tâm làm việc, cống hiến.

c. Giải pháp về đầu tư phát triển:

- Tiếp tục đầu tư, phát triển, hoàn thiện và nâng cấp năng cao năng suất dây chuyền nghiên xi măng công suất 65 tấn/giờ nhằm ổn định sức sản xuất.

d. Giải pháp về phát triển thị trường:

- Để mở rộng thị trường Công ty cần phải kết hợp với các nhà phân phối để tiến hành chiến lược phát triển mới cho việc tiêu thụ xi măng như: Mở rộng chi nhánh phân phối ở các địa phương, đi kèm với chiến lược là hỗ trợ cước vận chuyển, thường kích cầu ở các mức khác nhau. Chính những hoạt động của các nhà phân phối này giúp thực hiện chiến lược đúng hướng nhằm huy động tối đa các nguồn lực đồng thời đáp ứng thỏa mãn nhu cầu kinh doanh cho các đại lý cấp 2,3 và người tiêu dùng cuối cùng góp phần giúp cho Công ty tăng uy tín và tăng thị phần tạo đà cho sự phát triển, góp phần phát triển thương mại sản phẩm về mặt quy mô. Đối với các vùng thị trường còn yếu và mới như: Vĩnh Phúc, Thanh Sơn, Tân Sơn, Thanh Thủy, Hà Giang- Lào Cai, Cẩm Khê ở đó người tiêu dùng còn hiểu biết hạn chế đối với sản phẩm xi

măng Vĩnh Phú và chịu sự cạnh tranh của các loại xi măng giá rẻ khác; Công ty cần phối hợp hơn nữa với nhà phân phối tăng cường các chính sách kích cầu, quảng bá rộng rãi hơn sản phẩm của Công ty tại các địa bàn này.

- Nghiên cứu, phân tích thị trường từng khu vực các sản phẩm xi măng để đưa ra giá bán xi măng phù hợp tại từng thời điểm. Để thực hiện tốt quá trình nghiên cứu thị trường DN cần thu thập thường xuyên các thông tin phản hồi của các hàng sau khi sử dụng sản phẩm xi măng của công ty. Đồng thời phát phiếu điều tra phỏng vấn cho các nhà phân phối của Công ty, từ đó có cách nhìn khách quan nhất đối với tình hình tiêu thụ sản phẩm xi măng trong giai đoạn hiện nay và có những chính sách hợp lý trong thời gian tới.
- Xây dựng chính sách bán hàng và hậu mãi sau bán hàng hợp lý nhằm giữ vững các thị trường tiêu thụ chính và mở rộng, phát triển các thị trường tiềm năng.
- Nghiên cứu, tìm kiếm, tiếp cận và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng bột và clinker lò quay.
- Trong quá trình phát triển thương mại sản phẩm xi măng trên thị trường thì vấn đề hoàn thiện bộ máy kinh doanh đóng vai trò quan trọng. Tuy nhiên do hệ thống quản lý còn yếu kém, cán bộ thị trường năng lực còn hạn chế dẫn đến việc đối chiếu, thu hồi tiền từ khách hàng lẻ hàng tháng còn chậm. Để tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh, Công ty cần tiến hành rà soát bố trí lao động hợp lý, chuyên môn hóa trong từng bộ phận, đảm bảo cán bộ thị trường phải có những kiến thức cơ bản nắm rõ các đặc điểm về sản phẩm của Công ty cũng như các đối thủ cạnh tranh. Nâng cao kỷ luật lao động, thực hiện chế độ tiền lương phù hợp với từng thành phần. Liên tục kiểm tra bộ phận phát triển thị trường.

e. Giải pháp phát triển nguồn lực tài chính.

+ Quản lý tốt các nguồn lực tài chính cũng như các khoản chi phí.

+ Tăng cường công tác thu hồi công nợ, không để nợ dây dưa và nợ khó đòi.

+ Xây dựng chiến lược huy động vốn để đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư và sản xuất.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Đã trình bày tại mục 2.1 - Phần II.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tiến hành được 15 cuộc họp và xin ý kiến các thành viên HĐQT.

- Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban giám đốc:

Trong các kỳ họp của Hội đồng quản trị, căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT sẽ tiến xem xét những kết quả đạt được và chưa đạt được, những giải pháp điều chỉnh phù hợp để đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

- Về công tác quản lý Công ty:

+ Để quản lý Công ty theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, căn cứ vào các tờ trình, Hội đồng quản trị đã kịp thời xem xét, giải quyết, xây dựng các Nghị quyết về các vấn đề quản lý, điều hành Công ty.

+ Hội đồng quản trị đã thực hiện và duy trì chế độ họp định kỳ và đột xuất để kịp thời giải quyết, chỉ đạo các lĩnh vực hoạt động SXKD theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: 03 thành viên.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

2. Ban Kiểm soát.

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Đã trình bày tại mục 2.1 - Phần II

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát Công ty trên các mặt sau:

- Theo dõi giám sát công việc thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, bao gồm: công tác đầu tư xây dựng cơ bản nội bộ, đầu tư hệ thống xi măng xuất thẳng, dự án cải tạo và nâng cao năng xuất máy nghiền.
- Giám sát toàn bộ hoạt động liên quan đến quyền lợi người lao động, khen thưởng, kỷ luật và công tác tuyển dụng của Công ty.
- Giám sát toàn bộ hoạt động mua sắm vật tư, thiết bị và vật tư dùng cho sản xuất cũng như thanh lý, nhượng bán vật tư, thiết bị của Công ty.
- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021.
- Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.
- Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi với người lao động.
- Kiểm tra báo cáo tài chính 2021.
- Kiểm tra việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, quy định,... của Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị và ban Giám đốc.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

Trong năm 2021, lương và các khoản thù lao của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã chi trả là: 771.579.600 đồng. Trong đó:

- Ông Triệu Quang Thuận - Chủ tịch HĐQT là: 235.496.500 đồng.
- Ông Trần Tuấn Đạt - Tổng Giám Đốc, Ủy viên HĐQT là: 202.309.000 đồng.
- Bà Trần Thị Phương Linh - Phó Tổng GD là: 148.174.100 đồng.
- Ông Phạm Quang Anh - Ủy viên HĐQT là: 37.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Thành Phú - Ủy viên HĐQT là: 37.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Khắc Lâm - Ủy viên HĐQT là: 37.000.000 đồng.
- Ông Tạ Đức Thiệm - Trưởng ban kiểm soát là: 37.000.000 đồng.
- Bà Đỗ Thị Thanh Yên - Thành viên BKS là: 18.800.000 đồng.
- Ông Nguyễn Xuân Lâm - Thành viên BKS là: 18.800.000 đồng.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

1. Ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả của Công ty tại thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể khẳng định được tính hiện hữu, đầy đủ, dự phòng nợ phải khó đòi cần trích lập của các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được xác nhận tại thời điểm 01/01/2021 bao gồm: phải thu ngắn hạn khách hàng 8,89 tỷ VND, trả trước cho người bán ngắn hạn 9,18 tỷ VND, phải trả người bán ngắn hạn 74,05 tỷ VND, người mua trả tiền trước ngắn hạn 7,67 tỷ VND và tại thời điểm 31/12/2021, bao gồm: phải thu ngắn hạn khách hàng 9,2 tỷ VND, trả trước cho người bán ngắn hạn 11,66 tỷ VND, phải trả người bán ngắn hạn 59,26 tỷ VND, người mua trả tiền trước ngắn hạn 7,23 tỷ VND. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021.

Năm 2020, Công ty đang trích khấu hao “Dây chuyền sản xuất clinker” theo phương pháp khối lượng sản phẩm, tuy nhiên số lượng sản phẩm sản xuất trong năm không đạt được công suất thiết kế khiến chi phí khấu hao trong năm thấp hơn thực tế là 7.573.852.081 VND. Nếu công ty trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, chỉ tiêu “Tài sản cố định hữu hình” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tại thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021 trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp sẽ bị giảm đi 7.573.852.081 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc tới Thuyết minh số VIII.8 về việc tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2021, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 441.048.602.634 đồng và 463.792.478.088 đồng, lỗ lũy kế lần lượt là (304.018.104.277) đồng và (329.938.398.534) đồng,

tương ứng (243%) và (264%) vốn góp của chủ sở hữu, vốn chủ sở hữu lần lượt là (174.168.702.355) đồng và (200.088.996.612) đồng, năm 2021 là năm thứ 11 công ty có hoạt động kinh doanh thua lỗ. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên căn cứ vào các phương án cải tạo, nâng cấp, mở rộng sản xuất kinh doanh và các cam kết hỗ trợ của các nhà cung cấp, các khách hàng lớn, các đại lý cũng như việc xem xét cơ cấu nợ của các ngân hàng tín dụng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty vẫn có đủ cơ sở, điều kiện để phát triển trong thời gian tới, đồng thời Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định chưa có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm tiếp theo. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Theo thuyết minh số V.4 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 01/01/2021 và 31/12/2021, Công ty đang theo dõi khoản phải thu khác đối tượng "Ban quản lý dự án Xi măng lò quay sau quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản" số tiền 6,9 tỷ. Đây là tiền hỗ trợ của Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Thọ từ năm 2010 đến năm 2012 để thực hiện Dự án đầu tư dây chuyền Clinker lò quay phải thu lại từ Ban quản lý dự án. Công ty đang tiến hành rà soát lại khoản công nợ này để có thể thu hồi và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định xử lý trong thời gian sắp tới.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt kiểm toán. Có bản báo cáo tài chính kèm theo.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		69.556.007.818	66.532.647.135
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	574.594.577	2.271.295.391
1. Tiền	111		574.594.577	2.271.295.391
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.037.231.090	34.135.001.655
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9.611.534.935	16.879.263.535
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	11.664.631.037	9.184.357.991
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	15.633.573.161	12.943.888.172
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.022.516.106)	(5.022.516.106)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		150.008.063	150.008.063
IV. Hàng tồn kho	140		31.154.762.022	25.078.143.981
1. Hàng tồn kho	141	V.6	31.154.762.022	25.078.143.981
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.789.420.129	5.048.206.108
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	5.720.954.268	4.979.740.247
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		68.465.861	68.465.861
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		337.883.481.476	360.837.953.112
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.005.000.000	721.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.005.000.000	721.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		302.417.409.737	326.211.517.802
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	302.417.409.737	326.211.517.802
<i>Nguyên giá</i>	222		568.557.408.527	567.290.785.800
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(266.139.998.790)	(241.079.267.998)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		160.000.000	160.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(160.000.000)	(160.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.656.238.958	21.554.767.266
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	23.656.238.958	21.554.767.266
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	1.829.205.374	1.712.856.393
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		500.000.000	500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.670.794.626)	(1.787.143.607)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.975.627.407	10.637.811.651
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	8.975.627.407	10.637.811.651
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		407.439.489.294	427.370.600.247

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		607.528.485.906	601.539.302.602
I. Nợ ngắn hạn	310		533.348.485.906	507.581.249.769
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	86.713.479.134	106.967.220.368
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	23.554.727.683	23.331.989.792
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	19.028.912.285	16.151.660.997
4. Phải trả người lao động	314		12.718.833.598	9.664.122.504
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	56.373.509.237	54.896.686.060
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	371.007.385	1.849.503.022
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	153.121.896.853	128.406.616.420
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	181.466.119.731	166.313.450.606
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		74.180.000.000	93.958.052.833
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	74.180.000.000	93.958.052.833
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(200.088.996.612)	(174.168.702.355)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	(200.088.996.612)	(174.168.702.355)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.212.934.000	3.212.934.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3.692.240.000)	(3.692.240.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.328.707.922	5.328.707.922
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(329.938.398.534)	(304.018.104.277)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(304.018.104.277)	(271.353.043.151)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(25.920.294.257)	(32.665.061.126)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		407.439.489.294	427.370.600.247

Người lập biểu



Triệu Thị Mai

Kế toán trưởng



Vũ Anh Phương



Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc

Trần Tuấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	274.643.975.011	265.093.399.655
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		565.467.546	866.793.506
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		274.078.507.465	264.226.606.149
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	248.226.319.073	250.599.043.483
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.852.188.392	13.627.562.666
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.052.014.117	58.889.857
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	29.990.201.000	26.151.378.406
Trong đó: chi phí lãi vay	23		30.106.549.981	26.288.647.280
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.115.278.550	6.087.020.838
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19.419.345.089	16.450.426.758
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.620.622.130)	(35.002.373.479)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.340.795	2.685.509.000
12. Chi phí khác	32	VI.8	303.012.922	348.196.647
13. Lợi nhuận khác	40		(299.672.127)	2.337.312.353
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(25.920.294.257)	(32.665.061.126)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(25.920.294.257)	(32.665.061.126)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(2.137)	(2.693)

Người lập biểu



Triệu Thị Mai

Kế toán trưởng




Vũ Anh Phương



Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Tuấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(25.920.294.257)	(32.665.061.126)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		25.060.730.792	17.795.564.320
- Các khoản dự phòng	03		(116.348.981)	(137.268.874)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.050.833.071)	(57.719.601)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.181.046)	(2.651.170.256)
- Chi phí lãi vay	06		30.106.549.981	26.288.647.280
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.078.623.418	8.572.991.743
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.917.442.838	1.338.449.919
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.982.111.010)	17.923.626.270
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(15.172.116.995)	(17.242.409.324)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		920.970.223	850.495.345
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.831.575.000)	(2.330.982.900)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.931.233.474	9.112.171.053
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.566.273.723)	(1.544.990.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.915.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.181.046	1.170.256
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.565.092.677)	1.371.179.756

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 12, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		15.781.000.000	16.615.433.330
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(21.843.691.900)	(25.065.777.857)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(6.062.691.900)	(8.450.344.527)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.696.551.103)	2.033.006.282
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.271.295.391	238.330.007
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(149.711)	(40.898)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	574.594.577	2.271.295.391

Người lập biểu



Triệu Thị Mai

Kế toán trưởng



Vũ Anh Phương



Trần Tuấn Đạt

5	Nguyễn Thành Phú	Ủy viên		08/11	73	
---	------------------	---------	--	-------	----	--

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị thường xuyên thực hiện các hoạt động giám sát với Ban Tổng Giám đốc. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quan trọng trong việc điều hành các hoạt động của Công ty ngoài các cuộc họp định kỳ.

Việc giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện qua báo cáo của Ban Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo sát sao, giám sát và hỗ trợ việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

2. Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	05-/NQ-HĐQT	04/01/2021	TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 12/2020 và HĐQT thông qua kế hoạch SXKD năm 2021; kế hoạch SXKD tháng 01 năm 2021; HĐQT thông qua chủ trương đầu tư thiết bị tại một số vị trí cấp thiết phục vụ sản xuất, các hạng mục sẽ được thực hiện trong năm 2021	100 % các TV HĐQT có mặt dự họp
2	25/NQ-HĐQT	05/02/2020	TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 1/2021; HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 02 năm 2021; Trưởng phòng TCKT báo cáo việc thiếu hụt clinker sau kiểm kê năm 2019	100 % các TV HĐQT có mặt dự họp
3	72-/NQ-HĐQT	06/04/2021	TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 3/2021; HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 04 năm 2021	100 % các TV HĐQT có mặt dự họp

			<ul style="list-style-type: none"> - HĐQT thảo luận, đóng góp ý kiến về nội dung các văn bản, báo cáo trình trước Đại hội đồng cổ đông và chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 - HĐQT Thảo luận thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và Hoạt động Công ty theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/06/2020; 	100 % các TV HĐQT có mặt dự họp
4	01/BB-HĐQT	23/04/2021	<ul style="list-style-type: none"> - HĐQT thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; - HĐQT thông qua Tờ trình số 84/TTr-TGD, ngày 22/04/2021 của Tổng Giám đốc Công ty về việc Mua máy cán ép đồng bộ để lắp trước máy nghiền xi măng Φ 3,5 x 13m; - Tổng Giám đốc báo cáo công tác giải phóng đôi dộc rào làm mỏ set nguyên liệu; 	
5	87/NQ-HĐQT	23/04/2021	V/v: Thông qua gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	
6	127/NQ-HĐQT	07/06/2021	TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 5/2021; HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 06 năm 2021	100 % các TV HĐQT có mặt dự họp
7	127/QĐ-HĐQT	11/06/2021	Về việc Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2021	

8	128/QĐ-HĐQT	11/06/2021	Về việc chi trả thù lao HĐQT, thư ký HĐQT và Ban kiểm soát năm 2021	
9	160/NQ-HĐQT	07/07/2021	TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 6/2021; HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 07 năm 2021	100 % các TV HĐQT có mặt dự họp
	459/ NQ-HĐQT	03/08/2021	TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 07/2021; HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 08 năm 2021	100 % các TV HĐQT có mặt dự họp
	482/BB-HĐQT	07/09/2021	Biên bản họp HĐQT về việc: - TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 08/2021; - HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 09 năm 2021 - HĐQT thông qua việc chấp thuận các Hợp đồng và các giao dịch có tổng giá trị nhỏ hơn 35% giá trị tổng tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với các đối tác là người nội bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến người nội bộ.	100 % các TV HĐQT có mặt dự họp
	483/NQ-HĐQT	08/09/2021	Thông Qua các giao dịch giữa Công ty với các đối tác là người nội bộ và cá tổ chức, cá nhân có liên quan đến người nội bộ	
	510/NQ-HĐQT	04/10/2021	TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 09/2021; HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 10 năm 2021	100 % các TV HĐQT có mặt dự họp

522/NQ-HĐQT	30/10/2021	V/v: Thanh lý sắt phế liệu và vật tư hỏng không còn giá trị sử dụng	
525/NQ-HĐQT	08/11/2021	TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 10/2021; HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 11 năm 2021	100 % các TV HĐQT có mặt dự họp
561/NQ-HĐQT	06/12/2021	TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 10/2021; HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 11 năm 2021	100 % các TV HĐQT có mặt dự họp
575/QĐ-HĐQT	28/12/2021	V/v: Bổ nhiệm Ông Nguyễn Phi Tuyên giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty	

III. Ban kiểm soát

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS).

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS		Trình độ chuyên môn
			Ngày bắt đầu	Ngày không còn	
1	Tạ Đức Thiệm	Trưởng ban KS	29/06/2017		
2	Trần Xuân Lâm	Thành viên	29/06/2017		
3	Đỗ Thị Thanh Yên	Thành viên	29/06/2017		

2. Cuộc họp của BKS: Trưởng ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban tháng định kỳ gồm HĐQT, Ban TGD, Trưởng các phòng ban, đơn vị trong Công ty

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc, Ban TGD, Ban Quản lý

định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

- Đã cụ thể hóa mục tiêu và có các biện pháp triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác quản lý nhân sự, sắp xếp tổ chức lại bộ máy điều hành sản xuất... hướng đến mục tiêu ổn định sản xuất, tiết giảm chi phí/tấn sản phẩm, ổn định đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty, bảo toàn nguồn vốn và từng bước phát triển bền vững; Về công tác thị trường tập trung khai thác thị trường truyền thống và mở rộng bán hàng đến các địa bàn tiềm năng....;

- Xây dựng và triển khai nhiệm vụ kinh doanh đến các Phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty, định hướng các giải pháp đồng bộ để các phòng ban, đơn vị chủ động quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Trong các cuộc họp giao ban, Tổng giám đốc định kỳ thực hiện việc đánh giá triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo định hướng của HĐQT, đánh giá kết quả hoạt động từng tháng theo các mặt: Kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tư tưởng cán bộ công nhân viên, xem xét đề xuất, kiến nghị từ các Phòng ban, đơn vị trực thuộc..., từ đó đưa ra các trọng tâm công tác trong tháng tiếp theo, các nội dung chỉ đạo cụ thể cho các Phòng ban, đơn vị trong Công ty thực hiện

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Năm 2021 Trưởng Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, đã đưa ra các ý kiến đối với các chủ trương, quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc để đảm bảo các chủ trương quyết định được ban hành phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Công ty. Ban Kiểm soát cũng đồng thời nhận được các văn bản trong quá trình chỉ đạo điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc, đồng thời đã có ý kiến phản hồi và trao đổi nhằm đảm bảo quá trình điều hành thực hiện đúng định hướng theo nghị quyết của Đại hội Cổ đông. Ban kiểm soát cũng đã có những tiếp xúc, trao đổi với cổ đông về tình hình tài chính và tình hình hoạt động của công ty, lĩnh hội những ý kiến đóng góp và giải thích những vấn đề mà cổ đông cần làm rõ về Công ty

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)

IV. Ban điều hành: Không có

V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/Bãi nhiệm	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày bãi nhiệm
Vũ Anh Phương	02/09/1972	Cử nhân kinh tế	16/09/2019	

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Các thành viên HĐQT, ban lãnh đạo Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách người có liên quan của Công ty (có danh sách kèm theo)
2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: không có giao dịch.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ liên quan tới Công ty	Số giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số nghị Quyết HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng số giao dịch	Ghi Chú
1	Công ty TNHH thương mại Hoàng Vinh	Người có liên quan TV HĐQT	2600304275	Khu 6 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ	Năm 2021	483/NQ-HĐQT, ngày 08/09/2021 V/v: Thông Qua	Hợp đồng giao dịch, thoả thuận, thương mại, mua bán có tổng giá trị nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	
2	Công ty cổ phần IDC	TV HĐQT là Giám đốc công ty	2600258928	Đường Sông Thao – Phường Bến Gót- TP Việt Trì – tỉnh Phú Thọ				

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có giao dịch.

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Công ty cổ phần IDC, Ông Nguyễn Khắc Lâm TVHĐQT là giám đốc điều hành

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Công ty TNHH thương mại Hoàng Vinh, liên quan đến thành viên HĐQT là Ông Nguyễn Thành Phú

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không có giao dịch

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Có danh sách kèm theo.)

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: không

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: không có

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP.



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Quang Thuận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Ba, ngày 14 tháng 01 năm 2022

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY

(Kèm theo báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2021 số: 4.1.../BC-XMPT, ngày 14/01/2022)

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty	Số giấy NSH* ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người liên quan	Lý do
1	Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD					
2	Phạm Quang Anh	Thành viên HĐQT; Phó TGD					
3	Trần Tuấn Đạt	Thành viên HĐQT; TGD TGD					
4	Nguyễn Khắc Lâm	Thành viên HĐQT					
5	Nguyễn Thành Phú	Thành viên HĐQT					



6	Nguyễn Xuân Sơn	Phó TGD		ện		01/01/2021	Nghỉ chế độ hưu trí
7	Tạ Đức Thiêm	Trưởng Ban KS		ện			
8	Đỗ Thị Thanh Yên	Thành viên ban KS					
9	Trần Xuân Lâm	Thành viên ban KS					
10	Vũ Anh Phương	Trưởng Phòng TCKT kiêm kế toán trưởng					
11	Nguyễn Lam	Người được ủy quyền Công bố thông tin					
12	Trần Thị Phương Linh	Phó TGD công ty					
13	Nguyễn Phi Tuyên	Phó TGD Công ty					

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
(Kèm theo báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2021 số:/BC-XMPT, ngày 14/01/2022)

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Công ty Nếu có	Số CMND/Hộ chiếu; ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Triệu Quang Thuận			Chủ tịch HĐQT			1.451.650	11,97%
	Triệu Văn Long	Bố đẻ						
	Triệu Thị Chua	Mẹ đẻ						
	Trần Thị Phương Linh	Vợ		Phó Tổng Giám đốc			180.560	
	Triệu Quang Thắng	Con					100.000	
	Triệu Phương Thanh	Con						
	Triệu Thị Hồng	Chị ruột						
	Triệu Thị Vân	Chị ruột						
	Triệu Thị Thòa	Em ruột						
	Triệu Quang Thao	Em ruột		Đội trưởng đội xe			1.050	
	Triệu Quốc Hùng	Em ruột		Lái xe			1.500	
	Triệu Thị Hoa	Em ruột						
2	Phạm Quang Anh			TV HĐQT			125.682	
	Nguyễn Thị Cài	Mẹ đẻ						
	Nguyễn Thị Yến	Vợ						
	Phạm Quang Đức	Em ruột		Phó Phòng KHĐT			1.800	
	Phạm Thị Yên	Em ruột						
	Phạm Quang Thanh	Em ruột						
							1.600	



	Phạm Thị Vượng	Em ruột					
	Phạm Thị Thu Hằng	Con					
	Phạm Thị Ngọc Mai	Con					
	Phạm Quang Phú	Con					
3	Trần Tuấn Đạt			TV HĐQT, Tổng GD			885.550
	Trần Xuân Trà	Bố đẻ					
	Vũ Thị Thủy	Mẹ đẻ					
	Trần Thị Phương Linh	Chị ruột					
	Trần Anh Sơn	Em ruột					
	Trần Thị Thủy Liên	Em ruột					
	Hoàng Thị Hoa Lý	Vợ					
	Trần Thị Linh Trang	Con					
4	Nguyễn Khắc Lâm			TV HĐQT			145.000
	Kiều Thị Duệ	Mẹ đẻ					
	Lê Thị Minh Hà	Vợ					
	Nguyễn Quỳnh Hoa	Con					
	Nguyễn Khắc Việt	Con					
5	Nguyễn Thành Phú			TV HĐQT			502.650
	Trần Thị Mai	Vợ					
	Nguyễn Thị Phương Thảo	Con					
	Nguyễn Hoàng Vinh	Con					